

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 527/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Lan T, sinh năm 1985; địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đoàn Trung H, sinh năm 1985; địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà T, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Lan T là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Y vào ngày 27/6/2013.

Trong thời gian 05 năm đầu từ ngày kết hôn, bà và ông H rất ít khi quan hệ vợ chồng và vợ chồng thường gây gổ với nhau về vấn đề này. Bà gánh vác và chăm lo mọi việc trong gia đình nhưng bà không nhận được sự quan tâm, động viên, chia sẻ của ông H về nhiều mặt như sức khỏe, công việc và tiền bạc ... bên cạnh đó, ông H không chăm con, chơi với con, không điện thoại hỏi thăm con khi đi công tác nhiều ngày làm cho bà cảm nhận là ông H không thương con, bà quyết tâm ly hôn với ông H hơn.

Bà và ông H sống chung nhà nhưng do bà và ông H khác nhau về tư duy, cách sống, trình độ nên bà chọn im lặng, không nói chuyện với ông H, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Bà không còn yêu thương, tin tưởng và tôn trọng ông H, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh ngày 02/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông Đoàn Trung H trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà T về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông làm hướng dẫn viên du lịch, trong thời gian có dịch covid, ông không làm ra được tiền nên bà T không tôn trọng ông, có suy nghĩ là ông ăn bám và nói làm cho ông bị tổn thương, vợ chồng có gây gổ với nhau. Ông và bà T sống chung nhà nhưng ly thân hơn 02 năm.

Sau khi hết dịch covid, ông đã đi làm lại, có thu nhập để phụ bà T chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, tình cảm vợ chồng dần ổn định trở lại, vợ chồng cùng đi du lịch, đi dự tiệc trong công ty ... nhưng khoảng tháng 9/2023, bà T đột ngột đòi ly hôn còn ông thì phản ứng lại là không đồng ý ly hôn.

Ông còn thương bà T, ông muốn chăm lo tốt cho con nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ.

Trong trường hợp ông buộc phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, ông có ý kiến như sau:

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi, ông cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của ông do bà T không có yêu cầu.

Về chia tài sản khi ly hôn: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

3.1 Về việc tuân theo pháp luật:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

3.2 Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Tyêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013, quyển số 01/2013 ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Y.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời trình bày của bà T và ông H thể hiện bà T và ông H có phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống là sự thật. Bà T và ông H sống chung nhà nhưng ly thân hơn 02 năm. Bà T không cảm nhận được sự quan tâm, chia sẻ, động viên của ông H về công việc, tiền bạc, sức khỏe, việc chăm lo cho gia đình và chăm sóc con chung ... và ngược lại thì bà T cũng chưa quan tâm, chia sẻ khi ông H gặp khó khăn về công việc, thu nhập trong thời gian dịch bệnh làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng nhiều hơn.

Ông H không đồng ý ly hôn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ, tạo điều kiện cho ông H giải tỏa, hàn gắn tình cảm với bà T nhưng đến nay, ông H vẫn không có cách thức gì làm cho bà T thay đổi quyết định ly hôn của mình. Điều này thể hiện hôn nhân của bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh ngày 02/11/2015. Xét, bà T trực tiếp nuôi con phù hợp với ý kiến của ông H và nguyện vọng của trẻ Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lan T được ly hôn với ông Đoàn Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013, quyền số 01/2013 ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Y hết hiệu lực.

2. Về con chung: Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh ngày 02/11/2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0013293 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã B,
huyện M, tỉnh Y;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Mô Cày, tỉnh Bến Tre;;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Châu Thị Hồng Đào